

Số: 64 /TB-TTYT

U Minh Thượng, ngày 15 tháng 05 năm 2025

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ
(Về việc Mua sắm Trang thiết bị y tế theo Chương trình viện trợ không
hoàn lại cấp cơ sở của Chính phủ Nhật Bản (GGP))

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm Trang thiết bị y tế theo Chương trình viện trợ không hoàn lại cấp cơ sở của Chính phủ Nhật Bản (GGP) tại Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng.
- Địa chỉ: Ấp Công Sự, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Họ và tên: Ngô Khén.
- Chức vụ: Nhân viên khoa Dược-TTB-VTYT.
- Số điện thoại: 0941041641.
- Địa chỉ email: duoc.ttytmt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 15 tháng 5 năm 2025 đến trước 17h ngày 19 tháng 5 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng

5 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục Trang thiết bị Y tế (gọi chung là thiết bị): (Đình kèm danh mục)
- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng.

Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng rất mong nhận được sự quan tâm và bảng chào giá của quý công ty/đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KD-TTB-VTTYT.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Dũng



Phụ lục yêu cầu báo giá

Danh mục Mua sắm trang thiết bị Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng năm 2025

(Kèm theo Thông báo số 4/TB-TTYT ngày 15/05/2025 của Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng)

STT	Danh mục hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
1	Bơm tiêm điện	Có thể sử dụng các loại bơm tiêm: 5mL, 10mL, 20mL, 30mL, 50/60mL Của nhiều hãng khác nhau, Chế độ liều dùng: Chế độ mL/h Chế độ $\mu\text{g/kg/phút}$ Chế độ mg/kg/h Tốc độ tiêm: 0,01 đến 1200,00 mL/h + 0,01 đến 150,00 mL/h (sử dụng bơm tiêm 5mL) + 0,01 đến 300,00 mL/h (sử dụng bơm tiêm 10,20,30 mL) + 0,01 đến 1200,00 mL/h (sử dụng bơm tiêm 50/60 mL) Bước đặt: + 0,01 mL/h (tốc độ từ 0,01 đến 10,00 mL/h) + 0,10 mL/h (tốc độ từ 10,00 đến 100,00 mL/h) + 1,00 mL/h (tốc độ từ 100,00 đến 1200,00 mL/h) Cài đặt tốc độ bằng núm xoay Thể tích dịch định tiêm: 0,10 đến 100,00 mL (bước đặt 0,10 mL) 100,00 đến 9999,00 mL (bước đặt 1,00 mL) Không giới hạn dịch tiêm Cài đặt thời gian tiêm: 1 phút đến 99 giờ 59 phút (bước đặt 1 phút) Không giới hạn thời gian Tốc độ tiêm nhanh (Bolus) khi ấn và giữ	cái	5	
2	Máy điện tim 6 kênh	Đạo trình: ghi được 12 đạo trình tiêu chuẩn Độ nhạy lựa chọn: 1/4 ; 1/2 ; 1; 2 cm/mV; bằng tay hoặc tự động Hằng số thời gian : 3,2 giây hoặc giá trị tốt hơn Tần số phản hồi : 0.05Hz - 150Hz (trong vòng -3dB) CMR: 103dB hoặc lớn hơn Điện áp phân cực: 600mV hoặc giá trị tốt hơn Chuyển đổi A/D: 18 bits Tần số mẫu: 8000 mẫu/giây/kênh Bộ lọc: AC: 50 hoặc 60 Hz, -20 dB hoặc thấp hơn Cơ: 25 hoặc 35 Hz, -3 dB (-6dB/oct) Trôi, lệch: 0.25 hoặc 0.5 Hz, -3 dB (-6dB/oct) Chức năng giải thích/ Phân tích loạn nhịp tim: tùy chọn.	Cái	2	

STT	Danh mục hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Ghi chú
3	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Phân Loại Class II, Type A2, Bộ lọc HEPA2, Lưu thông không khí 0.3, Không khí xả 0.7, Vận tốc bề mặt tối thiểu 75 feet /phút(lfpm), Vận tốc luồng không khí vào 0.53±0.025 m/s, Vận tốc dòng không khí xuống 0.33±0.025 m/s, Đèn huỳnh quang 21Wx2-28Wx2, Đèn UV 40Wx2-18Wx2, Cường độ sáng ≥1000 lux, Chiều cao bề mặt làm việc 750 mm, Kích thước trong 940×600×660 mm-1100×600×660 mm-1300×700×630 mm, kích thước ngoài 1100x750x2250 mm-1300×850×2200 mm-1500×840×2280 mm, Mức độ làm sạch cấp 100.	Cái	1	
4	Máy sinh hóa tự động	SK 300 là hệ thống xét nghiệm sinh hóa tự động có thể sử dụng nhiều hàng hóa chất khác nhau. Công suất máy lớn hơn hoặc bằng 270 xét nghiệm sinh hóa/ giờ (450test/giờ bao gồm cả ISE). Số xét nghiệm có thể chạy trên khay: 36 xét nghiệm sinh hóa. Quy trình ly giải mẫu toàn phần cho xét nghiệm HbA1c hoàn toàn tự động mang lại hiệu suất xét nghiệm cao. Phương pháp đo điểm cuối, động học, ISE. Đường hiệu chuẩn: 8 loại, Thông số đo: Sinh hóa: LD, AST, ALT, ALP, GTP, CK, CK-MB, ChE, AMY, LAP, CRE, URE, HbA1c, GLU, Xét nghiệm đông máu: AT III, FDP, D-Dimer	Cái	1	
Tổng cộng: 04 mặt hàng					